

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 90/2025/HNGĐ-ST
Ngày 28- 02- 2025
V/v tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Thái Quân, bà Nguyễn Thị Mỹ Thanh

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Phong – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 687/2024/TLST-HNGĐ ngày 18/12/2024 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/01/2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 16/2025/QĐST-HNGĐ ngày 12/02/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:** Bà Dương Thị Kim V, sinh năm 1979. Nơi cư trú: tổ G, ấp B, xã P, huyện P, tỉnh An Giang (yêu cầu vắng mặt).
- Bị đơn:** Ông Lê Văn T, sinh năm 1974. Nơi cư trú: tổ G, ấp B, xã P, huyện P, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn có tại hồ sơ, thể hiện:

Thông qua mai mối, năm 1998 bà V và ông Lê Văn T sống chung như vợ chồng, đến năm 2014 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P (Giấy chứng nhận kết hôn số 15/2014 ngày 11/02/2014). Thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không tìm thấy được tiếng nói chung, hôn nhân thông qua mai mối nên không có nhiều tình cảm, chính thức ly thân từ năm 2017 đến nay, yêu cầu được ly hôn với ông T. Về con chung: có 02 con chung tên Lê Dương Minh T1, sinh năm 1999 và Lê Dương Nhật N, sinh năm 2000 (đã trưởng thành và lao động được) không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: không có. Nợ chung (phải thu, phải trả) không có.

Đối với bị đơn: Tòa án đã triệu tập để tham gia phiên họp kiểm tra giao

nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và hai lần để xét xử, nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không rõ lý do, nên không ghi nhận được ý kiến.

Tòa án tiến hành lấy lời khai của bà Phùng Thị Kim X (mẹ ruột của V) cho biết vợ chồng V – T thường cự cãi nhau do T nhậu nhẹt, không lo làm ăn, không chăm lo cho vợ con, ly thân từ năm 2017 đến nay và cả hai đã có cuộc sống riêng, không hàn gắn tình cảm. 02 đứa con chung của V – T tên Lê Dương Minh T1, sinh năm 1999 và Lê Dương Nhật N, sinh năm 2000, đã trưởng thành và lao động được.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân

Về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến tham dự phiên tòa, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, cho thấy bị đơn đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án: Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Dương Thị Kim V được ly hôn với ông Lê Văn T. Về con chung: đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không xem xét. Tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét. Bà V phải chịu án phí hôn nhân theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc ly hôn và bị đơn có nơi cư trú tại ấp B, xã P, huyện P nên Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang thụ lý giải quyết vụ án hôn nhân gia đình “Ly hôn” là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Bà V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bà V, ông T.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về yêu cầu ly hôn:* Bà V và ông T là vợ chồng có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp nhưng quá trình chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân mâu thuẫn gia đình là ông T thường nhậu nhẹt, không lo làm ăn, không quan tâm chăm sóc vợ con, hôn nhân thông qua mai mối nên tình cảm vợ chồng không được xây dựng bền chặt, đã chính thức ly thân từ năm 2017 đến nay. Tòa án đã triệu tập ông T để tham gia hòa giải, xét xử nhưng ông không

đến, bà V cương quyết ly hôn, do đó chấp nhận cho bà V được ly hôn với ông T là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] *Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con:* Do 02 con chung tên Lê Dương Minh T1, sinh năm 1999 và Lê Dương Nhật N, sinh năm 2000 đã thành niên và lao động được nên không xem xét.

[2.3] *Về tài sản chung:* Bà V khai không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[2.4] *Về nợ chung:* Ghi nhận bà V xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì bà V, ông T phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Bà V phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng, ông T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228; Điều 238, Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị Kim V.

1. Về hôn nhân: Bà Dương Thị Kim V được ly hôn với ông Lê Văn T.

2. Về con chung: Do 02 con chung tên Lê Dương Minh T1, sinh năm 1999 và Lê Dương Nhật N, sinh năm 2000 đã thành niên và có khả năng lao động nên không xem xét.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Ghi nhận bà V xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì bà V và ông T phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Dương Thị Kim V phải chịu án phí hôn nhân gia đình 300.000 đồng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0011675 ngày 10/12/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân. Ông Lê Văn T không phải chịu án phí.

Bà V, ông T vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- UBND xã Phú Bình, huyện Phú Tân;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nhung